

Số: H0 /2016/QĐ-UBND

Long An, ngày 11 tháng 8 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành mức thu học phí năm học 2016-2017  
đối với giáo dục mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông  
và các trường trung cấp, cao đẳng công lập trên địa bàn tỉnh Long An**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25/11/2009;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 21/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX kỳ họp thứ 2 về mức thu học phí năm học 2016-2017 đối với giáo dục mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường trung cấp, cao đẳng công lập trên địa bàn tỉnh Long An;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại tờ trình số 1889/TTr-SGDĐT ngày 03/8/2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành mức thu học phí năm học 2016-2017 đối với giáo dục mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường trung cấp, cao đẳng công lập trên địa bàn tỉnh Long An, như sau:

### 1. Đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập

Đơn vị tính: 1.000 đồng/tháng/học sinh

Trường học, cơ sở giáo dục	Vùng thành thị (phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện)	Vùng nông thôn
1. Nhà trẻ:	105	63
2. Mẫu giáo buổi:	60	30
3. Mẫu giáo bán trú:		
- Lớp mầm	137	79
- Lớp chồi	116	68
- Lớp lá	95	58
4. Mẫu giáo 2 buổi/ngày	79	42
5. Trung học cơ sở:	60	30
6. Trung học phổ thông:	63	32
7. Giáo dục thường xuyên:		
- Hệ THCS	60	30
- Hệ THPT	63	32

2. Đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 30.000 đồng/tháng/học sinh.

3. Đối với đào tạo cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở công lập chưa tự chủ đảm bảo kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư

Đơn vị tính: 1.000 đồng/tháng/học sinh

Nhóm ngành	TC	CĐ
1. Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	300	350
2. Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	340	380
3. Y dược	380	

Thời gian thực hiện: Năm học 2016-2017.

**Điều 2.** Sở Giáo dục và Đào tạo thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện; xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm về việc thu và sử dụng học phí.

Quyết định này được triển khai trong toàn ngành giáo dục; phổ biến công khai, rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông báo ở các trường học để nhân dân biết, thực hiện.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Kiến Tường, thành phố Tân An và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Các Bộ: GD&ĐT, Tài chính, LĐ-TB&XH;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Đại biểu QH tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa IX;
- Như Điều 3;
- Phòng NCVX;
- Lưu: VT, MT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Cần**